TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2023/ST-HNGĐ
Ngày: 10-11-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Y và ông Phạm Ngọc Minh

- Thư ký phiên tòa: ông Đồng Mây Hồng Tuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà: bà Trần Thị Hoa Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 179/2023/TLST-HNGĐ, ngày 16- 6-2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2023/QĐXXST–HNGĐ, ngày 12 tháng 10 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2023/QĐST-HNGĐ ngày 01-11-2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Lê Thị Thanh T - Sinh năm: 1994 – Có mặt.

Bị đơn: anh Nguyễn Khắc K - Sinh năm: 1991 – Vắng mặt lần 2.

Cùng địa chỉ: thôn N, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Theo đơn khởi kiện ngày 12/6/2023 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T tình bày*:

Về hôn nhân: chị T và anh K kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P ngày 13/10/2016 theo giấy chứng nhận kết hôn số 04 của Ủy ban nhân dân xã P. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh K ngoại tình. Từ năm 2022 đến nay, không còn chung sống với nhau, không ai còn quan tâm tới ai, mạnh ai người đó sống. Tại phiên tòa, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên khởi kiện xin được ly hôn với anh K.

Về con chung: trong thời kỳ hôn nhân chị T và anh K có hai con chung là cháu: Nguyễn Lê Thanh T – Sinh ngày: 19/4/2017 và Nguyễn Lê Thanh V – Sinh ngày: 19/11/2020. Từ khi sống cách xa nhau năm 2022 đến nay, chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con, không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2. *Ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Bị đơn đã được Tòa án thông báo về việc khởi kiện, triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

3. *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu về thủ tục tố tụng cũng như nội dung giải quyết vụ án được tóm tắt như sau*:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành đúng các thủ tục tố tụng, đảm bảo đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự. Bị đơn vắng mặt lần 2, không có lý do chính đang nên đề nghị áp dụng Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" của nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T đối với bị đơn Nguyễn Khắc K; chị Lê Thị Thanh T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp được xác định là: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Nội dung vụ án:

[2.1]. Về hôn nhân:

Chị T và anh K kết hôn năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Thời điểm kết hôn, có đủ

điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, Hôn nhân giữa chị T và anh K là hôn nhân hợp pháp.

Chị T trình bày nguyên nhân chị T yêu cầu được ly hôn với anh K là do anh K ngoại tình nhưng chị T không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày là có căn cứ. Tuy nhiên, xác minh tình trạng hôn nhân thực tế tại chính quyền địa phương nơi chị T và K sinh sống và ý kiến của bà Huỳnh Thị Trọng (là mẹ ruột của anh K) có đủ căn cứ xác định chị T và anh K có mâu thuẫn, tự ý sống cách xa nhau từ năm 2022 đến nay, trong thời gian sống cách xa nhau không ai còn quan tâm tới ai, mạnh ai người đó sống.

Xét việc tự ý sống cách xa nhau, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, cùng nhau thực hiên các công việc trong gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh K.

[2.3]. Về con chung: từ khi sống cách xa nhau, chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Mặt khác, anh K không có có văn bản trình bày ý kiến tranh chấp về việc nuôi con. Do đó, chị T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng các con chung sau khi ly hôn là có căn cứ được chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu nên không xem xét.

[2.4]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[3]. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xử lý về án phí là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều: 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận cho chị Lê Thị Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Khắc K.

2. Giao con chung là các cháu: Nguyễn Lê Thanh T – Sinh ngày: 19/4/2017 và Nguyễn Lê Thanh V – Sinh ngày: 19/11/2020 (đang ở cùng chị T) cho chị Lê Thị Thanh T trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Lê Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Lê Thị Thanh T đã nộp theo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000951 ngày 15/6/2023, chị Lê Thị Thanh T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 10/11/2023). Bịđơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Tùng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Phạm Y Phạm Ngọc Minh	**Trần Văn Tùng**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Phước Hữu;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

- Lưu HS, AV.

Trần Văn Tùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tùng

Lê Thị Hường Phạm Ngọc Minh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã P, N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Tùng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH THUẬN** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi: 09h00', ngày 30 tháng 10 năm 2020

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyên N, tỉnh Ninh Thuận.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hường và bà Bá Thị Thu Vân

Tiến hàn nghị án vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 331/2020/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 8 năm 2020 về Ly hôn, giữa:

Nguyên đơn: Ông Trần Trung Luật - Sinh năm: 1978; trú tại: Đội 1, Hợp tác xã 4, xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Bà Cao Thị Ngọc Phúc - Sinh năm: 1985; trú tại: Thôn 4, xã Hồng Sơn, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận; chỗ ở hiện tại: Thôn Thái Giao, huyện N, tỉnh Ninh Thuận – Vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn đã được triệu tập hợp, có ý kiến vằng văn bản xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Nội dung giải quyết vụ án:

2.1. Điều luật áp dụng: Căn cứ: khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều: 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc "Lyhôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" của ông Trần Trung Luật với bà Cao Thị Ngọc Phúc.

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Trung Luật được ly hôn với anh bà Cao Thị Ngọc Phúc.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Thị Thùy Dương, sinh ngày 22-5-204 cho ông Trần Trung Luật trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (Cháu Dương đang ở cùng ông Luật). Bà Cao Thị Ngọc Phúc không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông Luật không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

+ Về án phí: Ông Trần Trung Luật phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Tòa án ông Luật đã nộp theo Biên lai tu tiền số 0006067 ngày 10-6-2020 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 09h30' ngày 30 tháng 10 năm 2020

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ông Tuấn trình bày trong thời gian chung sống ông và bà Du có mâu thuẩn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vả, đã không còn chung sống với nhau từ năm 2017, trong thời gian không chung sống không ai còn quan tâm tới ai, mạnh ai người đó sống.